



C.  $\text{BaCl}_2$ ,  $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$

D.  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ ,  $\text{ZnO}$

**Đáp án: C**

**Câu 5:** *Mức độ nhận biết*

Natricacbonat tác dụng được với chất nào:

A.  $\text{CaO}$

B.  $\text{NaOH}$

C.  $\text{Ca}(\text{OH})_2$

D.  $\text{NaCl}$

**Đáp án: C**

**Câu 6:** *Mức độ nhận biết*

2. Dãy gồm các muối đều tan trong nước là

A -  $\text{CaCO}_3$ ,  $\text{BaCO}_3$ ,  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ ,  $\text{Mg}(\text{HCO}_3)_2$

B -  $\text{BaCO}_3$ ,  $\text{NaHCO}_3$ ,  $\text{Mg}(\text{HCO}_3)_2$ ,  $\text{Mg}(\text{HCO}_3)_2$

C -  $\text{CaCO}_3$ ,  $\text{BaCO}_3$ ,  $\text{NaHCO}_3$ ,  $\text{MgCO}_3$

D -  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ ,  $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$ ,  $\text{Mg}(\text{HCO}_3)_2$ ,  $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$

**Đáp án: D**

**Câu hỏi thông hiểu**

**Câu 1:** *Mức độ thông hiểu*

Dãy chất gồm các oxit bazơ:

A.  $\text{CuO}$ ,  $\text{NO}$ ,  $\text{MgO}$ ,  $\text{CaO}$ .

B.  $\text{CuO}$ ,  $\text{CaO}$ ,  $\text{MgO}$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$ .

C.  $\text{CaO}$ ,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{K}_2\text{O}$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$ .

D.  $\text{K}_2\text{O}$ ,  $\text{FeO}$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$ ,  $\text{Mn}_2\text{O}_7$ .

**Đáp án: B.**

**Câu 2:** *Mức độ thông hiểu*

Dãy oxit tác dụng với dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng là:

- A. MgO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, SO<sub>2</sub>, CuO.
- B. Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, MgO, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, K<sub>2</sub>O .
- C. MgO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, CuO, K<sub>2</sub>O.
- D. MgO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, SO<sub>2</sub>, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>.

**Đáp án: C**

**Câu 3:** *Mức độ thông hiểu :*

Dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây?

- A. NaCl, HCl, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>, KOH
- B. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaCl, KNO<sub>3</sub>, CO<sub>2</sub>
- C. KNO<sub>3</sub>, HCl, KOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>
- D. HCl, CO<sub>2</sub>, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>

**Đáp án: D**

**Câu 4:** *Mức độ thông hiểu*

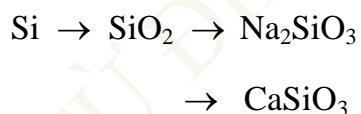
Dãy kim loại tác dụng được với dung dịch Cu(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub> tạo thành Cu kim loại:

- A. Al , Zn , Fe
- B. Zn , Pb , Au
- C. Mg , Fe , Ag
- D. Na , Mg , Al

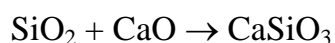
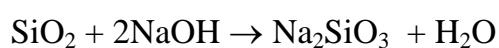
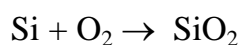
Đáp án : A

**Câu 5:** *Mức độ thông hiểu :*

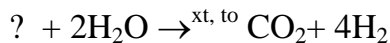
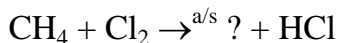
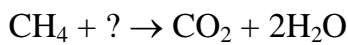
Hoàn thành chuỗi sau:



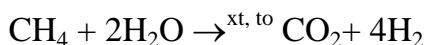
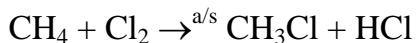
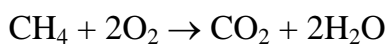
**Đáp án: B.**



**Câu 6:** *Mức độ thông hiểu :*



**Đáp án:**



**Câu hỏi vận dụng**

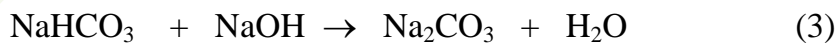
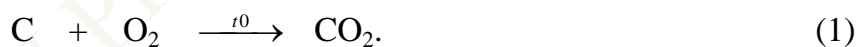
**Câu 1:** *Mức độ vận dụng*

Đốt cháy hoàn toàn 6 gam cacbon trong bình kín dư oxi. Sau phản ứng cho 750ml dung dịch NaOH 1M vào bình.

- Hãy viết phương trình phản ứng
- Tính nồng độ mol của dung dịch thu được sau phản ứng. Coi thể tích dung dịch thay đổi không đáng kể.

**Đáp án**

- a) Viết đúng mỗi phương trình phản ứng: 0,5 điểm. (1,5 điểm)



- Tính nồng độ mol của dung dịch thu được sau phản ứng
- Tính đúng số mol mỗi muối là 0,25 mol (1,5 điểm)

$$C_{\text{M}(\text{NaHCO}_3)} = C_{\text{M}(\text{Na}_2\text{CO}_3)} = 0,33 \text{ M}$$

**Câu 2:** *Mức độ vận dụng*

Cho một lá Fe vào dung dịch  $\text{CuSO}_4$ , sau một thời gian lấy lá sắt ra, khối lượng dung dịch thay đổi như thế nào?

- A. Tăng so với ban đầu
- B. Giảm so với ban đầu
- C. Không tăng , không giảm so với ban đầu
- D. Tăng gấp đôi so với ban đầu

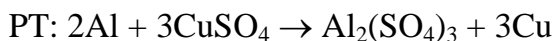
**Đáp án: B**

**Câu 3:** *Mức độ vận dụng*

Cho một bản nhôm có khối lượng 70g vào dung dịch  $\text{CuSO}_4$ . Sau một thời gian lấy bản nhôm ra cân có khối lượng 76,9g. Khối lượng đồng bám vào bản nhôm là:

- A. 19,2g
- B. 10,6g
- C. 16,2g
- D. 9,6g

**Đáp án: D**



KL thanh nhôm tăng lên là  $64x \frac{3}{2} - 27x = 6,9 \rightarrow x = 0,1 \text{ mol}$ . Vậy KL đồng b tạo ra =

$0,1 \times 1,5 \times 64 = 9,6 \text{ gam}$

**Câu 4:** *Mức độ vận dụng*

Phần trăm về khối lượng của nguyên tố N trong  $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$  là :

- A/ 32,33%
- B/ 31,81%
- C/ 46,67%
- D/ 63,64%

**Đáp án: C**

**Câu 5:** *Mức độ vận dụng*

Trình bày phương pháp để phân biệt các chất bột  $\text{CaCO}_3$  ,  $\text{NaHCO}_3$ ,  $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$ ,  $\text{NaCl}$

**Đáp án:** Hòa tan vào nước, chất bột nào không tan là  $\text{CaCO}_3$ . Các chất còn lại đem nhiệt phân. Chất nào không bị nhiệt phân là  $\text{NaCl}$ . Đem sản phẩm hòa tan vào nước, rồi thổi khí  $\text{CO}_2$  vào, sản phẩm nào vẫn đục là  $\text{CaO}$

**Câu 6:** *Mức độ vận dụng:*

A: Có số hiệu ngử 17  $\Rightarrow$  ĐTHN  $17^+$ , chu kỳ 3, nhóm VII. Hãy cho biết cấu tạo nguyên tử và tính chất của ngử A.

**Đáp án: A**

-  $Z_A = 17$

+ ĐTHN = 17+

+ Có 17p, 17e

- A ở chu kỳ 3 -> ngử A có 3 lớp e

- A thuộc nhóm VII -> lớp ngoài cùng có 7 electron

Vì A ở cuối chu kỳ 3 nên A là phi kim mạnh.

TỪ ĐIỂN PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC